

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2020/DS-PT**

Ngày: 19 - 06 - 2020

V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Toàn.

2/. Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 và 19 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số **190/2019/TLPT-DS** ngày 19 tháng 12 năm 2019, về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 04 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 87/2020/QĐPT-DS ngày 22 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tống Phước B, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (chết ngày 19/01/2020)

*** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:**

1. Bà Trương Thị D, sinh năm 1956;

2. Ông Tống Phước L, sinh năm 1975;

3. Ông Tống Phước P, sinh năm 1981;

4. Ông Tống Phước C, sinh năm 1985;

5. Ông Tống Phước N, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà D, ông L, ông P, ông C và ông N:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 07/03/2020). (có mặt)

6. Bà Tống Thị L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1969;

2. Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Ái Q (Phạm Thị Ái Q); Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Ngọc T và bà Phạm Ái Q:* Ông Nguyễn Vĩnh P; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 12/12/2019 và ngày 02/10/2018). (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Tống Phước B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn Tống Phước B trình bày: Nguyên vào năm 1997, do hoàn cảnh gia đình, nguyên đơn Tống Phước B (nguyên đơn) phải đi Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, nên nguyên đơn chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất ruộng 21 công (tầm 3m), tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cho vợ chồng bị đơn Nguyễn Thanh H và Trần Thị Ngọc T (bị đơn), trong diện tích đất chuyển nhượng có 02 ngôi mộ của cha và mẹ nguyên đơn (cụ Tống Phước M và cụ Võ Thị N), sau khi chuyển nhượng giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận làm giấy tay cam kết bị đơn phải chừa lại phần đất nền mộ của cha mẹ nguyên đơn 15 mét vuông đất, theo cách tính của nông dân tính ra xung quanh nền mộ mỗi cạnh là $15m \times 15m =$ diện tích $225m^2$.

Đến năm 2014, Nhà nước quy hoạch công trình đường D3-N6 xã L, huyện M làm lộ nằm trong diện tích 02 phần mộ của cha mẹ nguyên đơn và phải lấy hài cốt, bốc mộ cha mẹ nguyên đơn di dời đi nơi khác. Phần diện tích đất làm đường bị ảnh hưởng diện tích đất nền mộ là $64,35m^2$ (ngang 4,5m x dài 15m) và thiệt hại mồ mã, hoa màu được Nhà nước đền bù tổng thiệt hại cho nguyên đơn số tiền là 29.748.380đồng.

Diện tích đất nền mộ còn lại $157,5m^2$ (ngang 10,50m x dài 15m), do nguyên đơn đi làm ăn xa để lại nhờ chị ruột là bà Tống Thị K trông coi và giữ gìn. Khi lập thủ tục, kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị đơn kê khai toàn bộ diện tích đất, trong đó có diện tích còn lại của nguyên đơn là $157,5m^2$, nên diện tích đất còn lại của nguyên đơn $157,5m^2$ nằm trong diện tích là

10.950m² (loại đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 593942 ngày 10/9/2013 cho ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Ngọc T, khi bị đơn san lấp làm nền nhà, bà Tổng Thị K biết được có ngăn cản nhưng không được. Khi về quê biết bị đơn đăng ký để được cấp giấy chứng nhận luôn diện tích đất nền mộ còn lại và san lấp làm nền cất nhà cho bà Phạm Thị Ái Q thuê để mua bán, nguyên đơn có gặp bị đơn để đòi lại phần đất, nhưng bị đơn không đồng ý và cho là diện tích đất nền mộ chỉ chừa lại có 15m² (ngang 03m x dài 05m), Nhà nước bồi thường cho nguyên đơn đủ rồi, bị đơn không còn trách nhiệm gì với nguyên đơn, nên phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn Tổng Phước B yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Nguyễn Thanh H và Trần Thị Ngọc T phải trả lại cho nguyên đơn đất nền mộ diện tích 157,5m², thửa đất số 675, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Vĩnh P trình bày: Nguyên ngày 26/3/1997, bị đơn có nhận chuyển nhượng của nguyên đơn phần đất diện tích 21.800m², tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, trong việc chuyển nhượng lập hợp đồng chuyển nhượng và được UBND xã L chứng thực. Kể từ khi nhận chuyển nhượng, bị đơn đã trực tiếp quản lý, sử dụng phần diện tích đất ổn định, không tranh chấp với ai. Khi nhận chuyển nhượng, trên phần đất có phần mộ của gia đình nguyên đơn, nhằm tôn trọng mồ mả người đã khuất, bị đơn có viết 01 “Tờ cam kết” với nội dung để lại một phần diện tích đất là 15m² có phần mộ bên trên lại cho nguyên đơn, phía bị đơn không động chạm gì đến phần đất này.

Đến năm 2014, do Nhà nước quy hoạch công trình mở lộ nên có thu hồi 01 phần diện tích đất của bị đơn, trong đó có cả phần đất có phần mộ của gia đình nguyên đơn. Trong quá trình áp giá bồi thường thì phía bị đơn đã để cho nguyên đơn nhận tiền bồi thường là 29.748.380đồng. Đây là tiền bồi thường phần mộ và phần diện tích 64,35m² đất. Sở dĩ phía bị đơn cho nguyên đơn nhận phần tiền đền bù đối với phần diện tích đất lớn hơn so với diện tích trong tờ cam kết là vì nghĩ đến tình nghĩa lối xóm và cũng xem như hỗ trợ một phần chi phí di dời mồ mả cho gia đình nguyên đơn. Theo nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu phải trả lại phần diện tích 157,5m², thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với lập luận rằng phần diện tích bị đơn lập trong tờ cam kết là ngang 15m x dài 15m = 225m² là hoàn toàn tự suy diễn, không có căn cứ. Bị đơn khẳng định phần diện tích đất mà các bị đơn để lại cho nguyên đơn theo như tờ cam kết chỉ có tổng diện tích 15m². Bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ái Q, ông Nguyễn Vĩnh P trình bày: Bà Q có thuê từ bị đơn một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để xây dựng và kinh doanh quán giải khát. Việc thỏa thuận thuê đất là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật vì bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi thuê đất, bà Q tiến hành cuốn nền, xây dựng quán kiên cố với thời gian kéo dài từ tháng 01 năm 2017 đến

tháng 10 năm 2017 thì không có bất cứ cá nhân nào đến tranh chấp, ngăn cản. Nay bà Q có ý kiến như sau: Việc thuê đất để kinh doanh giữa bà Q với bị đơn là hoàn toàn đúng pháp luật. Việc tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn thì bà Q không biết rõ. Tuy nhiên, bà Q thống nhất với lời trình bày của bị đơn và tuân theo phán quyết có hiệu lực của Tòa án có thẩm quyền liên quan đến phần đất tranh chấp giữa các bên.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019, đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2, khoản 3 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Phước B yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Ngọc T phải trả lại cho ông B diện tích 162,1m² thuộc một phần diện tích của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 4 có số đo: 10,81m;

- Hướng Tây giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 4 có số đo: 10,81m;

- Hướng Nam giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 4 có số đo: 15m;

- Hướng Bắc giáp ranh giải phóng mặt bằng có số đo: 15m.

(đính kèm theo sơ đồ đo vẽ lập ngày 31/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 19/11/2019, nguyên đơn Tống Phước B có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, với nguyên do:

- Năm 1997, do hoàn cảnh gia đình nên ông B chuyển nhượng cho vợ chồng ông H và bà T 21 công đất ruộng (tầm 3m), trong đất có 02 ngôi mộ của cha mẹ ông B (Tống Phước M và Võ Thị N) nên thỏa thuận ông H và bà T phải để lại đất làm nền mộ 15 mét vuông (15m x 15m) với diện tích 225m².

- Năm 2014, Nhà nước làm lộ (đường D3-N6) nằm trong phần đất 02 ngôi mộ, gia đình ông B phải di dời mộ của cha mẹ ông B và được Nhà nước bồi thường thiệt hại về đất diện tích 64,35m² (ngang 4,5 x dài 15) với số tiền 29.748.380đồng, do đi làm ăn xa nên diện tích đất còn lại 157,5m² (ngang 10,5 x dài 15) nhờ người chị là Tống Thị K trông giữ, nhưng ông H kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn diện tích đất nền mộ của ông B còn lại (thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ số 4) và san lấp mặt bằng làm nền nhà, gia đình ông B ngăn cản và yêu cầu ông H, bà T giao trả nhưng không được.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo của nguyên đơn Tống Phước B. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của người kháng cáo Tống Phước B là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Tống Phước B; bị đơn Nguyễn Thanh H và Trần Thị Ngọc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ái Q đều vắng mặt nhưng có người đại diện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[III] Về nội dung:

[1] Các đương sự thống nhất diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/06/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và Sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo; đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích là $162,1\text{m}^2$ thuộc một phần diện tích của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, trên đất tranh chấp có một phần diện tích căn quán của bà Phạm Ái Q là $87,5\text{m}^2$, ông H và bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 593942 ngày 10/9/2013.

[2] Nguyên đơn và các bị đơn đều thống nhất và thừa nhận, vào năm 1997 nguyên đơn đã chuyển nhượng cho các bị đơn diện tích đất ruộng khoảng 21 công tám (theo Tờ chuyển nhượng ngày 23/03/1997 – BL 48), sau khi chuyển nhượng nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận là bị đơn phải để lại cho nguyên đơn một phần diện tích đất nền mộ của cha mẹ nguyên đơn, vì trên đất chuyển nhượng có 02 ngôi mộ của cha và mẹ nguyên đơn (theo Giấy cam kết, xác lập không thời gian – BL 14), phần diện tích đất nền mộ nằm trong diện tích 10.950m^2 , thửa đất số 675, tờ bản đồ số 04, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 593942 ngày 10/9/2013 của UBND huyện M cấp cho Nguyễn Thanh H và Trần Thị Ngọc T (BL 41).

[3] Tuy nhiên, theo nguyên đơn diện tích nền mộ giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất để lại là vuông 15m mỗi cạnh, tức diện tích là 225m^2 ($15\text{m} \times 15\text{m}$). Năm 2014, Nhà nước làm lộ (đường D3-N6) qua ngang phần diện tích đất nền mộ, diện tích đất nền mộ bị ảnh hưởng phải giải tỏa là $64,35\text{m}^2$ (ngang $4,5\text{m}$ x dài 15m), trên đất có 02 ngôi mộ của cha mẹ nguyên đơn phải di dời, nền lán xi măng $20,68\text{m}^2$ ($4,4\text{m} \times 4,7\text{m}$) và một số cây trồng trên đất (chuối và me) nên được Nhà nước bồi thường thiệt hại về đất, mộ, nền mộ và cây trồng với số tiền 29.748.380 đồng. Phần đất còn lại diện tích $157,5\text{m}^2$ (ngang $10,5\text{m}$ x dài 15m) nhờ người chị là Tổng Thị K trông giữ, nhưng bị đơn kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn diện tích đất nền mộ của cha mẹ nguyên đơn còn lại (thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ số 4) và san lấp mặt bằng làm nền nhà, gia đình nguyên đơn ngăn cản và yêu cầu bị đơn giao trả nhưng không được nên phát sinh tranh chấp.

[4] Ngược lại, theo bị đơn diện tích nền mộ giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất để lại chỉ có 15m^2 ($3\text{m} \times 5\text{m}$), không phải vuông 15m mỗi cạnh (diện tích là 225m^2) như nguyên đơn khởi kiện. Năm 2014, Nhà nước làm lộ (đường D3-N6) đi qua phần đất nền mộ, do chỗ tình nghĩa nên bị đơn đồng ý cho nguyên đơn nhận tiền bồi thường về đất diện tích $64,35\text{m}^2$, di dời mộ, nền mộ và cây trồng với số tiền 29.748.380 đồng. Do đó, diện tích đất nền mộ của gia đình nguyên đơn đã bị giải tỏa hết, nên nguyên đơn cho rằng phần đất nền mộ còn lại diện tích $157,5\text{m}^2$ (ngang $10,5\text{m}$ x dài 15m) và yêu cầu bị đơn giao trả là không đúng và bị đơn không đồng ý.

[5] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất, theo Biên bản thống kê thiệt hại (BL 43) và Tờ khai thiệt hại về đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng do GPMB (BL 46) thể hiện tài sản trên đất được bồi thường có 02 ngôi mộ (gạch xây lạng bê), nền lán xi măng $20,68\text{m}^2$, đây là ngôi mộ và nền lán xung quang ngôi mộ của cha mẹ

nguyên đơn, một số cây trồng trên đất (chuối 105 cây và me 01 cây) là của gia đình nguyên đơn.

[6] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Giấy cam kết” xác lập không thời gian (BL 14). Bị đơn thừa nhận có xác lập “Giấy cam kết” này. Nhưng về diện tích thỏa thuận để lại làm nền mộ thì nguyên đơn và bị đơn trình bày như đã nêu trên là mâu thuẫn và không thống nhất.

[7] Xét thấy, tuy nội dung “Giấy cam kết” thể hiện “...*còn chừa lại phần nền mộ khoản 15 mét vuông là vĩnh viễn* - ...”, không có nêu để lại là vuông 15m mỗi cạnh, tức diện tích là $225m^2$ ($15m \times 15m$) như nguyên đơn trình bày, các bị đơn thì không thừa nhận chừa lại nền mộ diện tích $225m^2$ và khẳng định chừa lại nền mộ cho nguyên đơn chỉ 15 mét vuông; các bị đơn đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/09/2013 (trước khi làm lộ) nên theo nguyên đơn trình bày vào năm 2014 Nhà nước thu hồi quyền sử dụng đất làm lộ, nguyên đơn còn lại diện tích $157,5m^2$, sau đó các bị đơn nhập vào phần đất của các bị đơn để kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Do vậy, lời trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở.

[8] Theo các bị đơn, vào năm 2014 Nhà nước quy hoạch công trình mở lộ nên có thu hồi 01 phần diện tích đất của các bị đơn, trong đó có cả phần đất có phần mộ của gia đình nguyên đơn. Trong quá trình áp giá bồi thường thì phía bị đơn đã đề cho nguyên đơn nhận tiền bồi thường tổng cộng là 20.148.380đồng. Đây là tiền bồi thường phần mộ, nền lán xi măng, cây trồng và phần đất diện tích $64,35m^2$. Các bị đơn cho nguyên đơn nhận phần tiền đền bù đối với phần diện tích lớn hơn so với diện tích $15m^2$ ghi trong “Giấy cam kết” là vì nghĩ đến tình nghĩa lối xóm và cũng xem như hỗ trợ một phần chi phí di dời mộ mả cho gia đình nguyên đơn.

[9] Sau khi nhận tiền bồi thường nêu trên thì thiếu khoản tiền chi phí mua đất để cải táng đối với phần 02 ngôi mộ di dời, chính bị đơn Hùng là người khiếu nại, nên được đền bù bổ sung chi phí mua đất để cải táng 02 ngôi mộ với số tiền 9.600.000đồng, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bên thừa nhận nguyên đơn đã nhận số tiền này. Do đó, nguyên đơn nhận các khoản bồi thường với tổng số tiền là 29.748.380đồng.

[10] Mặt khác, trong quá trình lập thủ tục để được bồi thường thì nguyên đơn cũng đã biết toàn bộ diện tích đất giải tỏa được bồi thường và diện tích đất tranh chấp đều nằm trong diện tích thửa đất số 675, các bị đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu theo như nguyên đơn diện tích đất nền mộ còn lại $225m^2$ thì sao không cải táng 02 mộ của cha mẹ nguyên đơn tại vị trí đất này mà lại cải táng nơi khác. Đồng thời, nguyên đơn cũng không khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị đơn bao gồm diện tích đất còn lại hiện tranh chấp.

[11] Ngoài “Giấy cam kết” nêu trên, thì nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh phần đất nền mộ để lại là vuông 15m mỗi cạnh, tức diện tích là $225m^2$ ($15m \times 15m$).

[12] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[12] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[13] Do kháng cáo không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm; nhưng do ông Tổng Phước B là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm theo hướng dẫn tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Tổng Phước B.

2/. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2, khoản 3 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Phước B yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Ngọc T phải trả lại cho ông B diện tích 162,1m² thuộc một phần diện tích của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 4 có số đo: 10,81m;

- Hướng Tây giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 4 có số đo: 10,81m;

- Hướng Nam giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 675, tờ bản đồ số 4 có số đo: 15m;

- Hướng Bắc giáp ranh giải phóng mặt bằng có số đo: 15m.

(đính kèm theo sơ đồ đo vẽ lập ngày 31/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

2.2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Tống Phước B phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 1.800.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 1.800.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Tống Phước B là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Tống Phước B được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hùng Nuôi